

MS

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4599**/UBND-TH
V/v công khai tình hình
thực hiện dự toán ngân sách
9 tháng đầu năm 2018

Bình Thuận, ngày 29 tháng 10 năm 2018

SỞ TÀI CHÍNH BÌNH THUẬN	
ĐẾN	Số: 3769/2
	Ngày: 30/10/18
Chuyển:	
Ưu hồ sơ số:	

Kính gửi:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính.

(2)

→ TW
mGV

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND tỉnh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016.

(Có thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018 và các biểu kèm theo).

Giao Văn phòng UBND tỉnh đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Sở Tài chính đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Lương Văn Hải;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, TH. vj



Lương Văn Hải



THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018
(Ban hành kèm theo Công văn số 4599/UBND-TH
ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh)

Thực hiện Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2018; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3556/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận năm 2018 và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/01/2018 về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương nỗ lực, chủ động, tích cực tham mưu UBND tỉnh đề ra các giải pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ thu, chi và quản lý điều hành ngân sách, cụ thể như sau:

I. Tình hình thu ngân sách nhà nước:

1. Thu cân đối ngân sách nhà nước:

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2018 được HĐND tỉnh giao là 8.500.000 triệu đồng, trong đó: thu nội địa là 6.020.000 triệu đồng, thu từ dầu thô là 1.480.000 triệu đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 1.000.000 triệu đồng.

Tổng thu ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2018 là 7.799.671 triệu đồng, đạt 91,76% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 4,14% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

- Thu nội địa là 5.405.285 triệu đồng, đạt 89,79% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 14,43% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ dầu thô là 1.400.871 triệu đồng, đạt 94,65% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 3,73% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 993.515 triệu đồng, đạt 99,35% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 70,18% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, trong 9 tháng đầu năm 2018, thu ngân sách nhà nước đạt khá so với dự toán HĐND tỉnh giao. Nếu loại trừ các khoản thu từ tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết thì thu từ thuế, phí, lệ phí đạt 83,53% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 25,21% so với cùng kỳ năm trước, đảm bảo cân đối cho các nhiệm vụ chi thường xuyên đã được HĐND tỉnh giao.

2. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang là: 707.442 triệu đồng.

II. Tình hình chi ngân sách địa phương:

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 được HĐND tỉnh giao là 8.983.651 triệu đồng, trong đó: chi đầu tư phát triển là 1.948.180 triệu đồng, chi thường xuyên là 5.634.734 triệu đồng và chi các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.249.277 triệu đồng.

Tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018 (có bao gồm chi từ nguồn năm trước chuyển sang) là 6.707.998 triệu đồng, đạt 74,67% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 20,67% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển là 2.134.671 triệu đồng, đạt 109,57% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 22,73% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên là 3.907.048 triệu đồng, đạt 69,34% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 4,09% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương là 666.279 triệu đồng, đạt 53,33% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 928,68% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, công tác điều hành chi ngân sách địa phương đã bám sát các nhiệm vụ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh; theo đó, đã tập trung ưu tiên an sinh, phúc lợi xã hội và đảm bảo kịp thời kinh phí chi trả lương, các khoản phụ cấp theo lương, chi hoạt động của bộ máy hành chính; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chi phòng, chống, khắc phục thiên tai tại địa phương.

(Có Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN kèm theo).

Trên đây là tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018./.



Biểu số 59/CK-NSNN
 Đơn vị: triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM 2018	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.500.000	8.507.113	100,08	91,04
I	Thu cân đối NSNN	8.500.000	7.799.671	91,76	104,14
1	Thu nội địa	6.020.000	5.405.285	89,79	114,43
2	Thu từ dầu thô	1.480.000	1.400.871	94,65	103,73
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.000.000	993.515	99,35	70,18
4	Thu viện trợ	0	0	0,00	0,00
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	707.442	0,00	38,15
B	TỔNG CHI NSDP	8.983.651	6.707.998	74,67	120,67
I	Chi cân đối NSDP	7.734.374	6.041.719	78,12	109,97
1	Chi đầu tư phát triển	1.948.180	2.134.671	109,57	122,73
2	Chi thường xuyên	5.634.734	3.907.048	69,34	104,09
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	600	0	0,00	0,00
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,00	0,00
5	Dự phòng ngân sách	149.860	0	0,00	0,00
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.249.277	666.279	53,33	1.028,68
C	BỘ CHI NSDP/BỘ THU NSDP	40.000	0	0,00	0,00
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	86.000	45.000	52,33	50,60



THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
Ban hành theo Công văn số 459/UBND-TH ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh)

Biểu số 60/CK-NSNN

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Mô tả chi tiết	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM 2018	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1	2	3=2/1	4
I	Thu nội địa	8.500.000	7.799.671	91,76	104,14
1	Thu từ khu vực DNNN	6.020.000	5.405.285	89,79	114,43
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.075.000	1.076.060	100,10	163,21
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	790.000	495.249	62,69	104,18
4	Thuế thu nhập cá nhân	950.000	786.697	82,81	119,34
5	Thuế bảo vệ môi trường	410.000	381.609	93,08	143,91
6	Lệ phí trước bạ	590.000	313.994	53,22	84,71
7	Các loại phí, lệ phí	220.000	201.929	91,79	133,50
8	Các khoản thu về nhà, đất	140.000	102.798	73,43	99,57
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	865.000	1.135.509	131,27	86,35
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000	4.457	222,85	101,76
-	Thu tiền sử dụng đất	8.000	8.186	102,33	123,15
-	Thu tiền sử dụng đất, thuế mặt nước	700.000	919.875	131,41	83,23
-	Thu tiền sử dụng đất phi nông nghiệp	150.000	202.908	135,27	103,27
-	Thu tiền sử dụng đất, thuế mặt nước	5.000	83	1,66	3,75
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	65.000	80.129	123,28	146,09
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	9.000	7.596	84,40	0,00
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	720.000	643.210	89,33	117,03
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	16.000	16.952	105,95	128,57
13	Thu khác ngân sách	170.000	163.553	96,21	153,41
II	Thu từ dầu thô	1.480.000	1.400.871	94,65	103,73
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.000.000	993.515	99,35	70,18
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	980.000	905.363	92,38	64,97
2	Thuế xuất khẩu	0	9.020	0,00	0,00
3	Thuế nhập khẩu	19.500	60.237	308,91	305,71
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	415	0,00	0,00
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	500	18.392	3678,40	715,09
6	Thu khác	0	88	0,00	0,00
IV	Thu viện trợ	0	0	0,00	0,00
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	5.524.590	5.091.847	92,17	116,17
1	Từ các khoản thu phân chia	3.310.020	2.762.870	83,47	134,91
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.214.570	2.328.977	105,17	99,74



THỦ CỤC CHIẾN LƯỢC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
Ban hành kèm theo Công văn số 4599/UBND-TH ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh

Đơn vị: triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM 2018 3=2/1	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC 4
A	TỔNG CHI NSDP	8.983.651	6.707.998	74,67	120,67
A	CHI CÀN ĐÒI NSDP	7.734.374	6.041.719	78,12	109,97
I	Chi đầu tư phát triển	1.948.180	2.134.671	109,57	122,73
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.948.180	2.134.671	109,57	122,73
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đất hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0	0,00	0,00
3	Chi đầu tư phát triển khác	0	0	0,00	0,00
III	Chi thường xuyên	5.634.734	3.907.048	69,34	104,09
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.536.853	1.753.162	69,11	109,46
2	Chi khoa học và công nghệ	19.913	7.661	38,47	50,33
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	624.603	433.995	69,48	115,91
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	57.063	46.057	80,71	135,96
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	36.785	17.615	47,89	87,07
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	24.140	18.624	77,15	95,38
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	96.544	72.532	75,13	123,75
8	Chi sự nghiệp kinh tế	561.261	323.142	57,57	72,94
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.038.024	747.514	72,01	99,53
10	Chi bảo đảm xã hội	319.985	245.169	76,62	93,59
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	600	0	0,00	0,00
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,00	0,00
V	Dự phòng ngân sách	149.860	0	0,00	0,00
B	CHI TỰ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỨC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.249.277	666.279	53,33	1.028,68
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	101.917	52.867	51,87	156,10
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	952.504	471.731	49,53	1.668,31
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	194.856	141.681	72,71	5.395,32